

Số ~~174~~ /TBHH-TCTBDATHHMN Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 03 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Thông số kỹ thuật các đoạn cạn Vịnh Gành Rái, Dầm Xây, Kervella, Mũi L'est, Propontis, Đá Hàn, phao "58", Navioil, P71-ĐT83, Vũng quay tàu VQ01, Vũng quay tàu VQ02 luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu năm 2022

HCM – 38 – 2022

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu.

Đoạn luồng: Các đoạn cạn Vịnh Gành Rái, Dầm Xây, Kervella, Mũi L'est, Propontis, Đá Hàn, phao "58", Navioil, P71-ĐT83, Vũng quay tàu VQ01, Vũng quay tàu VQ02.

Căn cứ bình đồ độ sâu các đoạn cạn ký hiệu từ VGR_2207_01 đến VGR_2207_06; DX_2207_01, DX_2207_02; KER_2207_01, KER_2207_02, ML_2207_01 đến ML_2207_04; PRO_2207; ĐH_220; ĐC-P58_2207; NAVI_2207_01, NAVI_2207_02; P71-ĐT83_2207_01 đến P71-ĐT83_2207_07; VQ1_2207; VQ2_2207, tỷ lệ 1/2000 đo đạc và hoàn thành tháng 7/2022, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật các đoạn cạn luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu năm 2022 như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải thiết kế rộng 150 m, đoạn Vịnh Gành Rái rộng 400 m được giới hạn và hướng dẫn bằng hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0 Hải đồ" như sau:

1) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Vịnh Gành Rái (Đoạn từ phao BHHH số "8" luồng Vũng Tàu – Thị Vải + 800m đến phao BHHH số "3" luồng Sài Gòn – Vũng Tàu + 800m):

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "2" – 900 m đến phao BHHH số "2" – 650 m, chiều dài khoảng 250 m, lần luồng xa nhất 115 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,1 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện các điểm có độ sâu 8,4 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
8,4	10°23'48,8" N	107°01'46,7" E	10°23'45,2" N	107°01'53,2" E
8,4	10°23'49,0" N	107°01'47,0" E	10°23'45,3" N	107°01'53,4" E
8,4	10°23'49,2" N	107°01'47,3" E	10°23'45,5" N	107°01'53,7" E
8,4	10°23'49,4" N	107°01'47,5" E	10°23'45,7" N	107°01'53,9" E

Ngoài các điểm và dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5 m.

2) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Dàn Xây (Đoạn từ phao BHHH số “29”- 400m đến phao BHHH số “26”+400):

- Xuất hiện điểm có độ sâu 8,2 m; 8,3 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
8,3	10°32’02,2” N	106°51’40,7” E	10°31’58,5” N	106°51’47,2” E
8,2	10°32’02,7” N	106°51’39,9” E	10°31’59,1” N	106°51’46,4” E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5 m.

3) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Kervella (Đoạn từ phao BHHH số “28”- 400m đến phao báo hiệu hàng hải số “33”):

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng ở phía đối diện phao BHHH số “28”, chiều dài khoảng 150 m, lún luồng xa nhất 12 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,5 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện điểm có độ sâu 7,6 m; 7,8 m; 8,3 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
8,3	10°33’12,7” N	106°50’41,7” E	10°33’09,1” N	106°50’48,1” E
7,6	10°33’16,6” N	106°50’49,8” E	10°33’12,9” N	106°50’56,2” E
7,8	10°33’16,7” N	106°50’49,7” E	10°33’13,0” N	106°50’48,1” E

- Ngoài các điểm và dải điểm có độ sâu nêu trên, độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m.

4) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Mũi L’est (Đoạn từ phao BHHH số “33” đến phao báo hiệu hàng hải số “37A”):

- Xuất hiện điểm có độ sâu 8,4 m tại khu vực phao BHHH số “34” – 30 m nằm sát biên trái luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng, đối diện phao BHHH số “34” chiều dài khoảng 190 m, lún luồng xa nhất 04 m, độ sâu đạt 8,1 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ khu vực đăng tiêu số “35” đến khu vực phao BHHH số “37” chiều dài khoảng 500 m, lún luồng xa nhất 50 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,2 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “40” – 1050 m đến phao BHHH số “40” + 15 m, chiều dài khoảng 1087 m, lún luồng xa nhất 50 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 5,0 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “40” + 115 m đến phao BHHH số “40” + 215 m, chiều dài khoảng 100 m, lún luồng xa nhất 10 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,7 m nằm sát biên luồng.

Ngoài các điểm và dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5 m trở lên.

5) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Propontis (Đoạn từ phao BHHH số “37A” đến phao BHHH số “46”-100m):

- Xuất hiện điểm có độ sâu 8,3 m tại vị trí có tọa độ:



Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
8,3	10°35'31,5" N	106°51'24,3" E	10°35'27,8" N	106°51'30,7" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "37A" + 150 m đến phao BHHH số "37A" + 270 m, chiều dài khoảng 120 m, lần luồng xa nhất khoảng 20 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,6 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số "44" + 40 m đến phao BHHH số "44" + 195 m, chiều dài khoảng 155 m, lần luồng xa nhất 20 m, độ sâu đạt 6,4 m nằm sát biên luồng.

Ngoài điểm độ sâu và các dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m.

6) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Đá Hàn (Đoạn từ phao BHHH số "46" - 100m đến phao BHHH số "43" + 300m): Độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,6 m.

7) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn phao "58" (Tại khu vực mũi Pha Mi):

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng, kéo dài từ phao BHHH số "58" + 200 m, lần luồng xa nhất khoảng 150 m, độ sâu đạt 5,8 m nằm sát biên luồng.

- Ngoài dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m.

8) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Navioil (Đoạn từ phao BHHH số "67" đến phao BHHH số "69" + 850m): Độ sâu tại đoạn luồng này đạt 9,9 m.

9) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn P71-ĐT83 (Đoạn từ phao BHHH số "71" đến đăng tiêu "83" + 1300m):

- Xuất hiện một số điểm có độ sâu 8,3 m; 8,4 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
8,4	10°44'44,2" N	106°45'28,7" E	10°44'40,5" N	106°45'35,1" E
8,4	10°44'44,8" N	106°45'27,7" E	10°44'41,2" N	106°45'34,1" E
8,3	10°44'44,6" N	106°45'27,6" E	10°44'40,9" N	106°45'34,1" E
8,3	10°44'44,5" N	106°45'24,1" E	10°44'40,8" N	106°45'30,5" E

- Dải điểm độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ phao BHHH số "64" - 270 m đến phao BHHH số "64" + 630 m, chiều dài khoảng 900 m, độ sâu ở tim luồng đạt 6,8 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,3 m nằm sát biên trái luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số "75" - 170 m đến phao BHHH số "75" + 30 m, chiều dài khoảng 200 m, lần luồng xa nhất 13 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 6,7 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện một số điểm có độ sâu 7,9 m; 8,1 m; 8,2 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
7,9	10°44'46,4" N	106°44'29,8" E	10°44'42,7" N	106°44'36,2" E
8,1	10°44'51,4" N	106°45'29,6" E	10°44'47,8" N	106°44'36,0" E
8,2	10°45'08,2" N	106°44'32,6" E	10°45'04,5" N	106°44'39,1" E
8,2	10°45'10,3" N	106°44'38,7" E	10°45'06,6" N	106°44'45,1" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “77” – 280 m đến phao BHHH số “77” + 80 m, chiều dài khoảng 360 m, lún luồng xa nhất 30 m, độ sâu đạt 6,6 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu chắn ngang luồng kéo dài từ phao BHHH số “77” + 280 m đến phao BHHH số “77” + 570 m, chiều dài khoảng 290 m, độ sâu ở tim luồng đạt 8,1 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,2 m nằm sát biên trái luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “66” – 880 m đến phao BHHH số “66” - 220 m, chiều dài khoảng 660 m, lún luồng xa nhất 60 m, độ sâu đạt 7,3 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “66” – 60 m đến phao BHHH số “66” + 250 m, chiều dài khoảng 310 m, lún luồng xa nhất 19 m, độ sâu đạt 5,6 m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện điểm có độ sâu 8,4 m; 7,5 m tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,4	10°46’24,9” N	106°44’45,1” E	10°46’21,3” N	106°44’51,6” E
7,5	10°46’31,7” N	106°44’03,9” E	10°46’28,0” N	106°44’10,3” E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ đăng tiêu số “68” – 230 m đến đăng tiêu số “68” + 160 m, chiều dài khoảng 390 m, lún luồng xa nhất 08 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,0 m nằm sát biên luồng.

Ngoài các dải điểm độ sâu và các điểm độ sâu nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5 m.

10) Trong phạm vi khảo sát vũng quay tàu VQ01 là nửa đường tròn đường kính 340m tại khu vực đối diện cảng Sài Gòn: Độ sâu đạt 2,5 m.

11) Trong phạm vi khảo sát vũng quay tàu VQ02 là nửa đường tròn đường kính 480m tại khu vực đối diện với Kênh Tẻ: Độ sâu đạt 4,7 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hành hải trên luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Dat}

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thái Công

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng dầu đường biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 17 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 18 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 19 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 21 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 22 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 24 Bộ đội Biên phòng TP. Hồ Chí Minh
- 25 Phòng Cảnh sát giao thông đường thủy TP.HCM
- 26 Sở GTVT và Sở NN&PTNT TP. Hồ Chí Minh
- 27 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam

500
T
GT
DÀ
MI
TÀU



K12C

Bến sà lan 1.000T

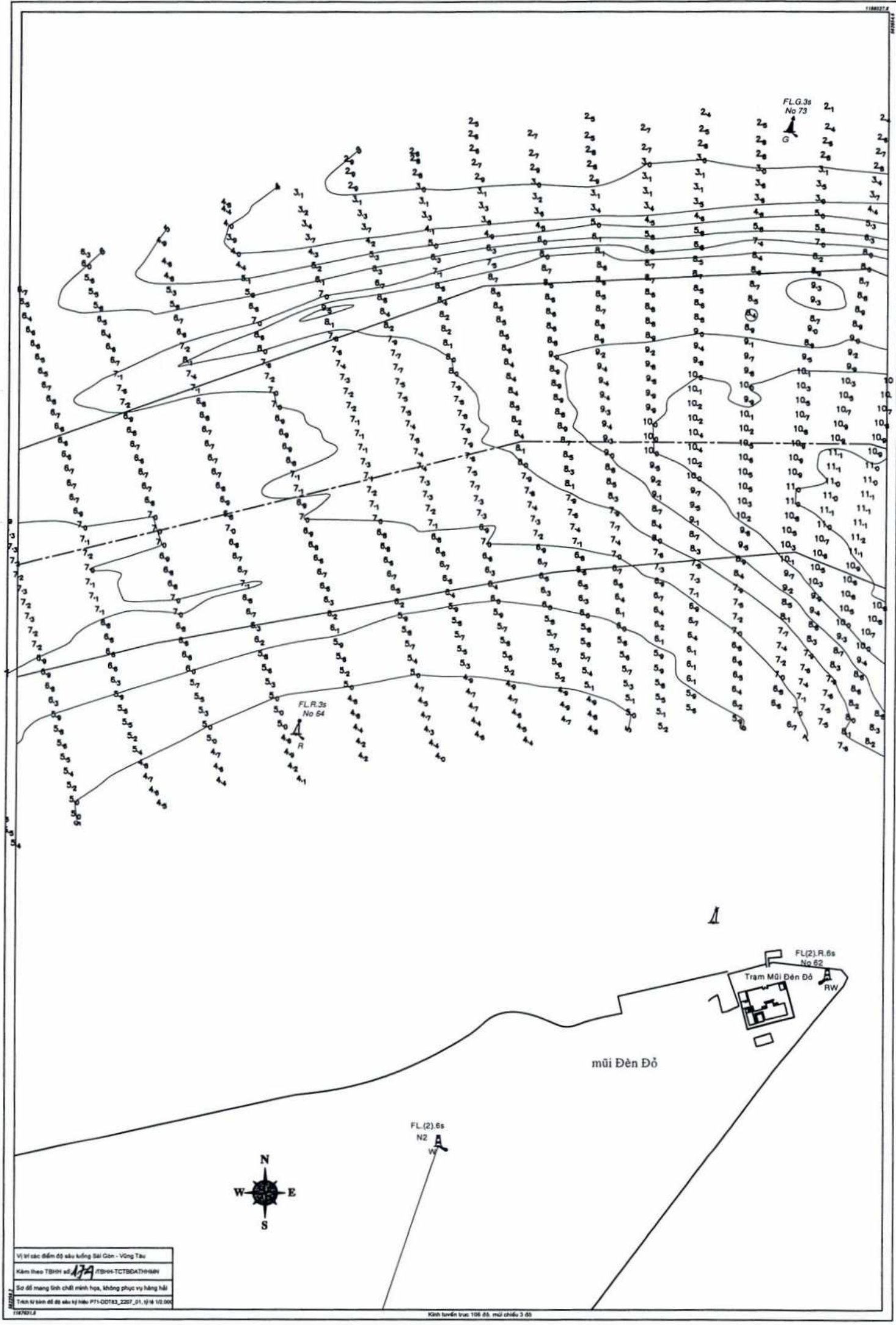
kinh Tế

Vị trí các điểm đo sâu luồng Sài Gòn - Vũng Tàu

Kiểm theo TBHH số 174/TBHH-TCTĐOATHHMH

Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ đo sâu kỹ thuật VQ2_2207, tỷ lệ 1/2.000



FL.G.3s
No 73
G

FL.R.3s
No 64
R

FL(2).R.6s
No 62
RW

FL(2).6s
N2
V

Vị trí các điểm độ sâu tướng Sài Gòn - Vũng Tàu
Kèm theo TSBH số 179/TB-H-TCTSDA TH-06H
Số để mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Tài liệu biên độ độ sâu tỷ lệ P71-00183_2207_01, tỷ lệ 1:10000

